

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh
lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Chương trình hành động như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức quán triệt sâu sắc phương châm Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I: “*Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển*” và những nội dung của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I đến toàn Đảng bộ, tạo sự thống nhất cao từ nhận thức đến hành động trong đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân; tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

2. Cụ thể hóa và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, bám sát các mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá chiến lược, giải pháp chủ yếu; đồng thời, phải phù hợp với tình hình thực tiễn, có tính khả thi cao và phát huy hiệu quả các tiềm năng, lợi thế, bản sắc văn hóa của các dân tộc và không gian phát triển mới, đảm bảo hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết đã đề ra.

3. Trên cơ sở Chương trình đã được xác định, xây dựng các nghị quyết chuyên đề, kế hoạch, đề án, dự án phù hợp để tổ chức thực hiện, đảm bảo nguyên tắc 6 rõ “rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm, rõ thẩm quyền”.

4. Việc triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I phải tiến hành nghiêm túc, đồng bộ, hiệu quả; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát; định kỳ tiến hành sơ, tổng kết rút kinh nghiệm. Đồng thời, quá trình triển khai thực hiện Chương trình cần phải tiếp thu, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng cùng các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và của tỉnh; thường xuyên bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng yêu cầu, phù hợp với thực tiễn của địa phương.

II- NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tập trung cụ thể hóa triển khai thực hiện **08 nhiệm vụ trọng tâm** theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, với các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu như sau:

1. Đối với nhiệm vụ trọng tâm số (1): Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng Đảng bộ trong sạch, vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ. Xây dựng bộ máy chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, trọng tâm là xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có đức, có tài, đảm bảo tính kế thừa và đáp ứng yêu cầu phát triển. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới

- Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm rõ vấn đề mới phát sinh, nhất là trong bối cảnh giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, để làm cơ sở phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy đảm bảo phù hợp với yêu cầu, điều kiện, bối cảnh mới.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, giáo dục lý luận chính trị của Đảng theo hướng tăng tính thực tiễn, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và truyền thông đa phương tiện. Ban hành kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I. Tổ chức học tập, quán triệt và xây dựng kế hoạch thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và Tỉnh ủy theo hướng trực tiếp kết hợp trực tuyến đến các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, nhằm đảm bảo tiết kiệm, thiết thực, đồng bộ, hiệu quả; định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4, khóa XII; Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về *“Đẩy mạnh xây dựng chính đồn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết, ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”*”. Chủ động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động *“diễn biến hòa bình”* của các thế lực thù địch.

- Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Xây dựng Đảng cấp xã với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm; Quy chế cung cấp và sử dụng thông tin dư luận xã hội phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng báo chí, xuất bản, truyền thông về xây dựng Đảng; nâng cao chất lượng hiệu quả Giải báo chí về xây dựng Đảng tỉnh Đắk Lắk;

tiếp tục tăng cường kiểm soát thông tin trên không gian mạng đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng báo chí, xuất bản, truyền thông về xây dựng Đảng, tăng cường kiểm soát thông tin trên không gian mạng cho các cơ quan báo chí trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

- Triển khai hướng dẫn, thực hiện tốt quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về dân chủ ở cơ sở gắn với phương châm “*Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*” trên các lĩnh vực đời sống xã hội; chú trọng việc lấy ý kiến Nhân dân trong xây dựng các chủ trương, dự án phát triển kinh tế - xã hội liên quan trực tiếp đến đời sống người dân; tăng cường tiếp xúc, đối thoại giữa người đứng đầu cấp ủy, chính quyền với Nhân dân và kịp thời giải quyết kiến nghị chính đáng, hợp pháp của Nhân dân.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng cho cán bộ chủ chốt ở cấp tỉnh và cấp xã trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương.

- Xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức làm cơ sở để xác định, giao và quản lý biên chế của hệ thống chính trị tỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương.

- Xây dựng kế hoạch nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ, gắn đào tạo với bố trí, sử dụng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm.

- Xây dựng và thực hiện các quy định về kiểm tra, đánh giá năng lực của cấp ủy các cấp, khắc phục tình trạng chồng chéo trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương và tình hình thực tiễn tại địa phương.

- Xây dựng Đề án thu hút và trọng dụng nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững; phát hiện, tuyển chọn, đào tạo cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số, cán bộ khoa học kỹ thuật; triển khai cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

- Xây dựng và triển khai thực hiện chỉ số đánh giá hiệu suất công việc (KPI) đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Trung ương.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đảng bộ cơ sở; tổ chức sinh hoạt theo chuyên đề gắn với tình hình đặc điểm, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng; thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua xây dựng “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, hướng dẫn nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ định kỳ; chấn chỉnh, khắc phục tình trạng sinh hoạt mang tính hình thức, đối phó.

- Xây dựng và phát triển tổ chức đảng, các tổ chức chính trị - xã hội và phát

triển đảng viên trong khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước, nhất là doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

- Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên; phấn đấu các chi bộ thôn, buôn, tổ dân phố đều có chi ủy, trưởng thôn, buôn, tổ dân phố đều là đảng viên; chú trọng kết nạp đối tượng quần chúng là học sinh, sinh viên, công nhân, người lao động, cán bộ quản lý trong doanh nghiệp.

- Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chú trọng vấn đề chính trị hiện nay; gắn công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác phát triển đảng viên.

- Xây dựng tổ chức bộ máy Ủy ban Kiểm tra, cơ quan Ủy ban Kiểm tra 02 cấp đảm bảo tinh, gọn, mạnh, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra đủ phẩm chất, năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Đổi mới mạnh mẽ phương thức hoạt động của ngành Kiểm tra, đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin theo Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng và của ngành Kiểm tra Đảng, tiến tới thực hiện việc “giám sát trên dữ liệu, kiểm tra trên dữ liệu”. Chuyển trọng tâm sang công tác phòng ngừa, cảnh báo vi phạm, kiểm tra, giám sát không chỉ để phát hiện, xử lý sai phạm mà còn để kịp thời phát hiện, cảnh báo, nhắc nhở, chấn chỉnh, ngăn chặn hành vi vi phạm; chuyển từ thụ động sang chủ động nắm chắc tình hình, không để có khoảng trống, vùng tối trong công tác kiểm tra, giám sát; gắn công tác kiểm tra, giám sát với kiểm soát quyền lực; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện giám sát các Nghị quyết của Đảng trên các lĩnh vực để các chủ trương, chính sách của Đảng được tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả, ngay từ khi mới ban hành. Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm gắn với nhiệm vụ chính trị của từng địa phương, đơn vị và theo phương châm “giám sát phải mở rộng”; “kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm”; tổ chức các đoàn kiểm tra kịp thời đối với tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Tăng cường tự kiểm tra, giám sát trong nội bộ ngay từ chi bộ để phòng ngừa, phát hiện vi phạm từ sớm, từ xa. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện khắc phục các nội dung vi phạm, khuyết điểm tại các thông báo kết luận của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy các cơ quan tư pháp các cấp. Đẩy mạnh công tác điều tra phá án, đặc biệt là các vụ án nổi cộm, bức xúc, các vụ án tham nhũng, lãng phí, tiêu cực được dư luận xã hội quan tâm.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác cải cách tư pháp, tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn mới; Kết luận số 73-KL/TW, ngày 20/5/2020 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW, ngày 09/12/2009 của Ban Bí thư về hợp

tác với nước ngoài trong lĩnh vực pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về *“Đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”*; Kế hoạch số 04-KH/TU, ngày 24/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị.

- Chủ động xử lý, giải quyết kịp thời các vấn đề phát sinh khiếu kiện phức tạp, đông người, vượt cấp; giải quyết hiệu quả các mâu thuẫn, tranh chấp đất đai, quyền lợi giữa người dân, công nhân hộ nhận khoán với các công ty nông, lâm nghiệp, dự án liên quan đến sử dụng đất lâm nghiệp nhằm ổn định tình hình, không để phát sinh phức tạp tại địa phương. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan chức năng có liên quan cương quyết lập lại trật tự, kỷ cương trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, quản lý sử dụng đất lâm nghiệp theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương, Chính phủ, Tỉnh ủy. Xử lý nghiêm các đối tượng chặt phá rừng, khai thác, mua bán, vận chuyển lâm sản trái phép, lấn chiếm, mua bán, sang nhượng đất rừng. Có biện pháp giải quyết và xử lý dứt điểm những diện tích có nguồn gốc đất rừng đã giao cho địa phương quản lý lâu nay.

- Ban hành quy chế phối hợp liên thông giữa các cơ quan Đảng - Nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của Trung ương. Lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thành công đại hội nhiệm kỳ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh.

- Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy các cấp theo hướng phân cấp, phân quyền rõ ràng. Đổi mới phương thức lãnh đạo của các cấp ủy theo hướng linh hoạt; lãnh đạo, điều hành hiệu quả thông qua công nghệ, dữ liệu số.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, đáp ứng yêu cầu quản lý hiệu quả và tăng cường chất lượng phục vụ Nhân dân.

- Lãnh đạo thực hiện tốt công tác bầu cử đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031; nâng cao chất lượng hoạt động của các Tổ đại biểu, đại biểu HĐND, nhất là trong việc tiếp công dân, tiếp xúc cử tri, hoạt động chất vấn; nâng cao chất lượng hoạt động giám sát, nhất là trong công tác xây dựng và ban hành Nghị quyết về các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh trong tình hình mới, công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng.

2. Đối với nhiệm vụ trọng tâm số (2): Tiếp tục tái cơ cấu kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới. Cơ cấu lại các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao. Phát triển nông nghiệp sinh thái, bền vững, hình thành các

vùng chuyên canh quy mô lớn gắn với chuỗi giá trị. Nâng cao chất lượng các sản phẩm nông sản, thủy hải sản đáp ứng yêu cầu xuất khẩu. Tập trung phát triển kinh tế biển và du lịch thành động lực tăng trưởng

(1) Hoàn thành và tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

- Tập trung rà soát, sớm hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk (mới) thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, đảm bảo phù hợp với quy hoạch vùng và tính đồng bộ giữa các loại quy hoạch, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế của tỉnh và không gian phát triển mới.

- Tích cực phối hợp cùng các bộ, ngành Trung ương hoàn thành các nhiệm vụ đề ra tại Kết luận số 67-KL/TW ngày 16/12/2019 của Bộ Chính trị; triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 72/2022/QH15 của Quốc hội về cơ chế chính sách đặc thù xây dựng và phát triển thành phố Buôn Ma Thuột tại các xã, phường mới được thành lập tương ứng.

- Thúc đẩy tăng trưởng cao và bền vững trên cơ sở tổ chức triển khai có hiệu quả Đề án xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

(2) Phát triển nông nghiệp theo hướng chất lượng cao, quy mô lớn, bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng Chương trình về cơ cấu lại các ngành sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao; ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, sinh học, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, phát thải thấp carbon; đẩy mạnh cơ giới hóa trong sản xuất, gắn nông nghiệp với du lịch, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo chuỗi giá trị, kết nối với công nghiệp chế biến và thị trường.

- Tăng cường cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, vật nuôi; kết nối sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm; hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua nền tảng số; ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương.

- Phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa tập trung, theo tiêu chuẩn an toàn, từng bước hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ sản phẩm, phát triển dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn; gắn với phát triển kinh tế - xã hội, hiện đại hóa nông thôn và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu. Xây dựng và phát triển thương hiệu cà phê Buôn Ma Thuột và các thương hiệu có tiềm năng và lợi thế của tỉnh.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản bền vững, nuôi công nghiệp ở vùng biển hở, gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường; ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất và nuôi trồng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả; tối ưu hóa khai thác thủy sản vùng khơi, tổ chức khai thác, thu mua, chế biến, tiêu thụ theo chuỗi; tiếp tục chuyển dịch cơ cấu ngành nghề, lao động; đầu tư, nâng cấp đồng bộ cơ sở hậu cần dịch vụ nghề cá. Phát triển chế biến, tiêu thụ thủy sản trong môi liên kết chuỗi sản xuất nuôi trồng, khai thác, chế biến, thương mại thủy sản để tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của người sản xuất. Xây dựng và phát triển thương hiệu “Tôm hùm Phú Yên”.

- Phát triển công trình thủy lợi, phòng chống thiên tai kết hợp đồng bộ với công trình giao thông, công trình hạ tầng khác theo hướng đa mục tiêu, bảo đảm an ninh nguồn nước. Nâng dần mức đảm bảo cấp nước cho nông nghiệp, cấp nước sinh hoạt, công nghiệp; đảm bảo tiêu thoát lũ sớm, lũ muộn, bảo vệ sản xuất; chủ động phòng tránh, giảm nhẹ thiệt hại do lũ chính vụ gây ra.

- Triển khai các giải pháp toàn diện, đồng bộ để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững giai đoạn 2026 - 2030 gắn với phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Từng bước xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, hiện đại, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ.

(3) Cơ cấu lại các ngành sản xuất công nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao

- Xây dựng, ban hành cơ chế, chính sách, chương trình về phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh, nhất là đối với các ngành công nghiệp có lợi thế của tỉnh như công nghiệp năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị phục vụ cho sản xuất nông nghiệp; công nghiệp hỗ trợ.

- Thực hiện tốt các cơ chế, chính sách khuyến khích, ưu đãi đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định của Chính phủ cùng những điều kiện hỗ trợ tốt nhất của tỉnh; nghiên cứu áp dụng các chính sách đặc thù đối với những dự án có quy mô lớn, sử dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường.

- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW, ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về “*Bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*” trên địa bàn tỉnh. Thực hiện tốt Phương án phát triển điện lực tỉnh và kế hoạch điều chỉnh thực hiện Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050. Tiếp tục phát triển công nghiệp năng lượng tái tạo, bảo đảm triển khai và hoàn thành các nguồn, lưới điện đúng tiến độ theo danh mục các dự án theo Quy hoạch điện VIII điều chỉnh. Tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho các dự án năng lượng tái tạo đã và đang xây dựng để sớm đưa vào vận hành phát điện. Khuyến khích kinh tế tư nhân và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tham gia phát triển năng

lượng; phát triển các dự án có đầu tư hệ thống tích trữ năng lượng để vận hành tối ưu hệ thống và tích hợp năng lượng tái tạo nhằm ổn định cung cầu năng lượng, đảm bảo phân phối điện tới các vùng nông thôn, miền núi, biên giới.

- Đề xuất chính sách hỗ trợ nhà đầu tư để nhanh chóng tiếp cận và chuyển giao các công nghệ mới, hiện đại; nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo.

- Nghiên cứu, xây dựng các cơ chế chính sách thu hút đầu tư ở lĩnh vực công nghệ; khuyến khích chuyển đổi, thay thế thiết bị lạc hậu bằng công nghệ tiên tiến trong hoạt động sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Hoàn thiện cơ chế, pháp lý để hỗ trợ, ưu tiên phát triển các ngành: Công nghiệp cơ khí chế tạo, linh kiện điện tử, chế biến nông, lâm, hải sản, hóa chất, vật liệu, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, ... hướng đến phát triển công nghiệp chế tạo thông minh, phát triển sản phẩm công nghệ cao.

- Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng các cụm công nghiệp sản xuất chuyên ngành hoặc theo chuỗi sản xuất, cung ứng. Phát huy hiệu quả các khu, cụm công nghiệp, tăng cường liên kết ngành, thu hút đầu tư, hình thành các trung tâm chế biến gắn với vùng nguyên liệu, có tính chuyên môn hóa cao theo chuỗi giá trị, định hướng công nghiệp sinh thái với việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Chuyển dịch cơ cấu nội ngành công nghiệp chế biến, chế tạo từ các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động sang các ngành thâm dụng vốn và công nghệ, các ngành công nghiệp xanh, công nghiệp carbon thấp; từ các công đoạn có giá trị gia tăng thấp lên các công đoạn có giá trị gia tăng cao. Chú trọng sử dụng nguồn nguyên vật liệu đã được nội địa hóa, giảm phụ thuộc vào nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu, tăng tính tự chủ, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp hỗ trợ nhằm phục vụ các ngành công nghiệp xuất khẩu lớn như: Công nghệ thông tin, dệt may, da giày, cơ khí, công nghệ cao... và tăng cường khả năng đáp ứng các quy tắc về nguồn gốc xuất xứ trong các hiệp định thương mại tự do (FTA). Hợp tác có hiệu quả với các trung tâm kỹ thuật hỗ trợ công nghiệp để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp công nghiệp vừa và nhỏ, đặc biệt là hỗ trợ đáp ứng các yêu cầu của các doanh nghiệp lớn, các doanh nghiệp FDI để trở thành nhà cung cấp trong nước.

(4) Tập trung phát triển kinh tế biển và du lịch thành động lực tăng trưởng

- Xây dựng chương trình tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW, ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn để thay thế Chương trình số 15-CTr/TU ngày 13/7/2017 của Tỉnh ủy (khóa XVI) về “Thực hiện Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 16/01/2017 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn”.

- Quy hoạch, định vị một số địa phương trở thành điểm đến du lịch trọng điểm của tỉnh như Buôn Ma Thuột, Ea Kao, Liên Sơn Lắc, Buôn Đôn, Tuy Hòa, Phú Yên, Sông Cầu,...

- Xây dựng đề án phát triển du lịch giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2050; xác định rõ sản phẩm đặc trưng, không gian, thị trường và các chỉ tiêu phát triển. Lập bản đồ du lịch, khoanh vùng tài nguyên và di tích để quản lý, bảo tồn, khai thác bền vững tại Đầm Ô Loan, Vũng Rô, Đèo Cả, Núi Đá Bia, Vườn quốc gia Yok Đôn, Hồ Lắc, Vườn quốc gia Chư Yang Sin, Rừng đặc dụng Nam Ka; xây dựng các khu công viên động vật hoang dã (safari); ưu tiên cơ chế đặc thù cho các khu, điểm du lịch trọng điểm như Vịnh Xuân Đài, Gành Đá Đĩa, Tháp Nhạn, Hòn Yến, Cao nguyên Vân Hòa, hồ Ea Kao,...

- Đầu tư hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại tại các điểm đến tiềm năng; gắn kết với hạ tầng giao thông chiến lược (quốc lộ, đường bay, ga tàu, đường thủy). Kêu gọi đầu tư, phát triển dự án sân golf Ea Kao gắn với phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ - thể thao và bảo vệ môi trường; đầu tư nâng cấp Ga Tuy Hòa, tăng thời gian dừng tàu để phát triển loại hình du lịch bằng tàu hỏa; đầu tư bến tàu, cầu phao nổi phục vụ phát triển du lịch tại Vịnh Xuân Đài, Hòn Yến, Hòn Lao Mái Nhà, Hòn Nưa, Long Thủy, Phú Thường, Sông Chùa, Đầm Cù Mông... Phát triển đô thị du lịch, kinh tế ban đêm, phố đi bộ - ẩm thực - mua sắm tại phường Tuy Hoà, phường Buôn Ma Thuột...

- Tăng cường liên kết nội vùng, liên vùng và quốc tế để hình thành tour - tuyến đặc sắc; hợp tác, liên kết với Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, các tỉnh Gia Lai, Lâm Đồng, Khánh Hòa, Quảng Ngãi để xây dựng sản phẩm du lịch đa dạng phục vụ khách. Đồng thời, tăng cường hợp tác phát triển sản phẩm du lịch quốc tế tại châu Âu, Đông Bắc Á, khối ASEAN...

- Bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể của đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ; phát triển thành các sản phẩm văn hóa đặc thù, gắn với du lịch, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng và hoàn thiện đề án Công viên địa chất Phú Yên được ghi danh UNESCO là Công viên địa chất toàn cầu và tiếp tục nghiên cứu, xây dựng Kế hoạch và lập hồ sơ khoa học đề nghị UNESCO xem xét ghi danh: Di tích danh lam thắng cảnh Quốc gia đặc biệt Gành Đá Đĩa vào danh mục Di sản thiên nhiên thế giới; Di sản “Tri thức trồng và chế biến cà phê Đắk Lắk” vào danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

- Đa dạng hóa loại hình du lịch: Sinh thái, cộng đồng, canh nông, mạo hiểm, nghỉ dưỡng, thể thao, văn hóa - lịch sử; phát triển du lịch cộng đồng tại một số khu vực có tiềm năng; tổ chức các hoạt động chèo thuyền kayak vượt thác ghềnh trên sông Sêrêpôk; đi xe đạp địa hình băng rừng vượt suối; leo núi, cắm trại trong các vườn

quốc gia, rừng đặc dụng... Xây dựng Đề án Gành Đá Đĩa thành di sản thiên nhiên thế giới, làm điểm nhấn phục vụ phát triển du lịch. Lấy “trải nghiệm du khách làm trung tâm”, phát triển theo chuỗi giá trị xanh, bền vững.

- Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá hình ảnh điểm đến tại thị trường trong và ngoài nước. Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch tỉnh Đắk Lắk.

- Phát triển kinh tế biển bền vững, gắn với quy hoạch liên kết vùng và nhu cầu thực tế. Tập trung khai thác tiềm năng kinh tế biển khu vực ven biển tỉnh kết nối Vân Phong, Cam Ranh.

- Đầu tư hạ tầng ven biển, cảng cá, khu neo đậu tàu thuyền, đê kè ven biển, khu kinh tế Nam Phú Yên, tạo động lực phát triển vùng duyên hải gắn với vùng Tây Nguyên.

- Triển khai thực hiện hoàn thành các mục tiêu trong Đề án tổng thể phát triển ngành nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Quan tâm kêu gọi đầu tư, nâng cấp đồng bộ cơ sở hậu cần dịch vụ nghề cá; phát triển chế biến, tiêu thụ thủy sản trong mối liên kết chuỗi nuôi trồng, khai thác, chế biến, thương mại thủy sản để tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu.

- Phát triển mạnh các sản phẩm du lịch chủ đạo, có lợi thế như du lịch sinh thái biển - rừng tại các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên, các vịnh, đảo; du lịch nghỉ dưỡng biển - rừng. Tập trung vào các sản phẩm có giá trị cao như du lịch nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch sinh thái, du lịch khám phá văn hóa biển đảo.

- Rà soát và thu hút đầu tư vào các dự án điện gió ngoài khơi, tận dụng lợi thế về bờ biển dài và nguồn năng lượng dồi dào.

- Huy động các nguồn lực để từng bước triển khai đầu tư nâng cấp Khu bến Vũng Rô, xây dựng Khu bến Bãi Gốc và hạ tầng logistics cảng biển, sớm đưa vào khai thác và vận hành hiệu quả Cảng nước sâu Bãi Gốc; đầu tư xây dựng các cảng, bến thủy nội địa để phục vụ phát triển du lịch.

- Phát triển các trung tâm logistics hiện đại, ứng dụng công nghệ số để tối ưu hóa quy trình vận tải và kho bãi. Xây dựng mạng lưới giao thông hiệu quả, kết nối cảng biển với các tuyến đường bộ, đường sắt và đường hàng không để tạo ra một chuỗi cung ứng hàng hóa thông suốt từ cảng biển đến các vùng sản xuất.

3. Đối với nhiệm vụ trọng tâm số (3): Thúc đẩy phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế thông qua việc cải cách hành chính, đổi mới mạnh mẽ tư duy hành chính, chuyển từ kiểm soát sang đồng hành, phục vụ doanh nghiệp. Đẩy mạnh chuyển đổi số để cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư, sản xuất, kinh doanh

- Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 10-KH/TU, ngày 12/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh,

xác định kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất để phát triển kinh tế.

- Phân đầu tốc độ phát triển doanh nghiệp giai đoạn 2026 - 2030 bình quân đạt 13%/năm, đến hết năm 2030 toàn tỉnh có khoảng 29.000 doanh nghiệp hoạt động, đóng góp khoảng 55-58% GRDP.

- Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách, bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh, quyền cạnh tranh bình đẳng và bảo đảm thực thi hợp đồng của kinh tế tư nhân.

- Tăng cường kết nối giữa các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp FDI. Hình thành và phát triển các doanh nghiệp vừa và lớn, tập đoàn kinh tế tư nhân tầm cỡ khu vực và quốc tế.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi cho kinh tế tư nhân tiếp cận các nguồn lực về đất đai, vốn, nhân lực chất lượng cao. Rà soát, hỗ trợ các nhà đầu tư, doanh nghiệp kịp thời giải quyết các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi để các dự án ngoài ngân sách trên địa bàn tỉnh sớm triển khai đi vào hoạt động theo tiến độ quy định.

- Hỗ trợ thực chất, hiệu quả doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đổi mới sáng tạo, phát triển sản phẩm, nâng cao năng suất; thúc đẩy hình thành các cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị, doanh nghiệp dẫn dắt trong lĩnh vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ - du lịch và logistics.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính, chi phí tuân thủ pháp luật và điều kiện kinh doanh cho doanh nghiệp. Triển khai cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc vào địa giới hành chính; hoàn thành các mục tiêu và lộ trình quy định tại Nghị quyết số 66/NQ-CP, ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 - 2026.

4. Đối với nhiệm vụ trọng tâm số (4): Huy động nguồn lực để đầu tư, hoàn thiện kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đặc biệt là giao thông (đường bộ, hàng không, cảng biển), hạ tầng các khu, cụm công nghiệp, lưới điện truyền tải. Tăng cường liên kết phát triển liên vùng, khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, tập trung vào các ngành kinh tế có lợi thế và giá trị gia tăng cao. Quan tâm đôn đốc, hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho các dự án lớn đã khởi công, khởi động nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho phát triển hạ tầng, ưu tiên vốn ngân sách nhà nước, tập trung đầu tư các công trình, dự án quan trọng kết nối nội vùng, liên vùng, thúc đẩy phát triển kinh tế nhanh, bền vững. Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn có trọng tâm, trọng điểm, gắn kết.

- Tăng cường huy động nguồn lực xã hội, tham gia của các tổ chức, cá nhân vào

đầu tư hạ tầng; tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư tư nhân. Huy động hợp lý nguồn vốn ODA, các khoản vay ưu đãi gắn với nâng cao hiệu quả sử dụng.

- Tập trung đầu tư, tích cực phối hợp triển khai, sớm đưa vào sử dụng các công trình, dự án hạ tầng giao thông thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo trục dọc Bắc - Nam, nhất là các tuyến đường ven biển, các trục giao thông chính kết nối với tuyến đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông; Dự án đường sắt tốc độ cao trục Bắc - Nam, đoạn qua địa bàn tỉnh. Kiến nghị Trung ương quan tâm, sớm triển khai đầu tư tuyến đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây. Ưu tiên đầu tư, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 29 kết nối Đông - Tây; sớm hoàn thành các thủ tục đầu tư dự án tuyến đường bộ cao tốc Đông - Tây tỉnh Đắk Lắk; đẩy nhanh tiến độ để sớm hoàn thành dự án đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột.

- Triển khai có hiệu quả Phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư xây dựng hạ tầng khu, cụm công nghiệp và đẩy nhanh tiến độ đầu tư xây dựng, thu hút các nhà đầu tư thứ cấp vào sản xuất kinh doanh; tạo quỹ đất sạch thu hút các dự án đầu tư có vốn lớn, công nghệ thân thiện với môi trường.

- Quan tâm kêu gọi đầu tư xây dựng, phát triển trung tâm xuất khẩu nông sản quy mô lớn, một số trung tâm logistics và ICD, các cảng cạn phục vụ vận tải đa phương thức đảm bảo kết nối đồng bộ với Trung tâm logistics của vùng.

- Tập trung huy động nguồn lực để đầu tư hoàn thành cơ bản việc xây dựng kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế Nam Phú Yên và các khu công nghiệp, trong đó tập trung các dự án xây dựng hạ tầng giao thông kết nối triển khai đúng tiến độ, nhất là các dự án giao thông liên vùng có tính kết nối cao, hạ tầng khu công nghiệp Hòa Tâm, hệ thống cảng biển gắn với Cảng nước sâu Bãi Gốc...

- Xây dựng hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ, hiện đại. Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số, số hóa tài liệu cơ quan nhà nước, công dân số, dữ liệu doanh nghiệp tiến tới chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đẩy mạnh xã hội hóa trong đầu tư hạ tầng viễn thông và các hạ tầng khác cho chuyển đổi số quốc gia; hoàn thiện các chính sách, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ công. Tiếp tục duy trì, vận hành có hiệu quả các dịch vụ đô thị thông minh.

- Phát triển đô thị theo mô hình chuỗi; trong đó, khu vực Buôn Ma Thuột là trung tâm của tỉnh, khu vực Tuy Hòa là trung tâm ven biển phía Đông của tỉnh; hình thành cực tăng trưởng, khu kinh tế, khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ động lực.

- Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền cập nhật, bổ sung quy hoạch tuyến đường sắt Tuy Hòa - Buôn Ma Thuột vào Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để sớm đầu tư xây dựng dự án.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thu hút đầu tư, tập trung huy động nguồn lực để phát triển các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh, các ngành có

hàm lượng công nghệ cao, thân thiện môi trường, giá trị gia tăng cao.

5. Đối với nhiệm vụ trọng tâm số (5): Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với định hướng phát triển các ngành mũi nhọn (nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch, công nghiệp chế tạo, chế biến, năng lượng tái tạo...). Thực hiện chính sách thu hút lao động chất lượng cao, y, bác sĩ, nhà khoa học đáp ứng nhu cầu phát triển. **Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước, đặc biệt là chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế-xã hội và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đổi mới, nâng cao tính chủ động, chất lượng, hiệu quả của việc triển khai các chương trình hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả thu hút FDI**

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo nhằm tạo ra bước chuyển căn bản, toàn diện và thực chất cho sự nghiệp “trồng người”.

- Xây dựng mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đáp ứng nhu cầu nhân lực cho phát triển.

- Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù để đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển đột phá các ngành khoa học, công nghệ chiến lược, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mới nổi.

- Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành trong bộ máy chính quyền đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Hoàn thành và tổ chức triển khai có hiệu quả hệ thống đánh giá công chức theo KPI, từng bước xây dựng “Hệ thống chấm điểm năng lực cán bộ” trên nền tảng số, tích hợp dữ liệu về kết quả công tác, sản phẩm đầu ra, chỉ số tín nhiệm và ý kiến phản hồi đa chiều.

- Hoàn thiện cơ chế thu hút, tuyển dụng, trọng dụng và đãi ngộ nhân tài vào làm việc trong các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.

- Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ đóng góp TFP (năng suất nhân tố tổng hợp) vào tăng trưởng GRDP đạt trên 55%. 100% doanh nghiệp lớn áp dụng quản trị số và đổi mới công nghệ và trên 85% doanh nghiệp vừa và nhỏ áp dụng công nghệ số ở mức cơ bản. Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) không ngừng được cải thiện, thuộc top 20 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Chuyển đổi số toàn diện trở thành động lực phát triển tỉnh trên cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đẩy mạnh ứng dụng, chuyển giao tiến bộ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo vào sản xuất, kinh doanh, quản lý nhà nước, đặc biệt là chuyển đổi số và chuyển đổi xanh.

- Xây dựng và vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh, nền tảng số dùng chung và trung tâm điều hành thông minh (IOC). Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành;

tích hợp, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia. Đổi mới quy trình quản lý, điều hành dựa trên dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.

- Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số, áp dụng nền tảng quản trị - sản xuất thông minh. Phát triển các ngành kinh tế số thế mạnh: Du lịch số, nông nghiệp số, logistics số. Khuyến khích mô hình kinh doanh mới dựa trên dữ liệu và công nghệ.

- Phát triển nền tảng học tập số, khám chữa bệnh từ xa, dịch vụ công an sinh trực tuyến. Triển khai có hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân. Đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế các tuyến, nhất là y tế cơ sở, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

- Xây dựng các chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo; hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng IoT, tự động hóa, cảm biến, truy xuất nguồn gốc trong nông nghiệp, công nghiệp chế biến; xây dựng chuỗi giá trị nông sản đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu. Khuyến khích đầu tư máy móc thiết bị hiện đại, dây chuyền chế biến sâu, nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản. Xây dựng các vùng sản xuất hàng hóa tập trung ứng dụng công nghệ cao.

- Đẩy mạnh chuyển đổi xanh gắn với phát triển năng lượng tái tạo, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh tăng hàm lượng khoa học và công nghệ trong các sản phẩm. Hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng quy trình sản xuất khép kín, ít phát thải, tiêu hao ít nguyên liệu và năng lượng.

- Nâng cao tính chủ động, chất lượng, hiệu quả của việc triển khai các chương trình hội nhập quốc tế, nâng cao hiệu quả thu hút FDI. Tổ chức triển khai có hiệu quả các chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh triển khai Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới.

6. Đối với nhiệm vụ trọng tâm số (6): Xây dựng con người Đắc Lắc phát triển toàn diện gắn với xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, gìn giữ những nét đặc trưng riêng của đồng bào các dân tộc. Phát huy các giá trị di sản văn hóa trở thành nguồn lực nội sinh quan trọng để phát triển bền vững. Tăng cường giáo dục tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc, ý thức trách nhiệm xã hội cho các tầng lớp Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Tăng cường giáo dục, tuyên truyền nâng cao ý thức, trách nhiệm việc khai thác, sử dụng tài nguyên một cách hợp lý, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và các giá trị cốt lõi về thiên nhiên, lịch sử, văn hóa

- Xây dựng Chương trình hành động về xây dựng con người Đắc Lắc phát triển toàn diện gắn với xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc giai đoạn 2026 - 2030.

- Giữ gìn những chuẩn mực truyền thống, phát huy giá trị gia đình Việt Nam;

gìn giữ, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống. Xây dựng Chương trình hành động về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2025-2030, định hướng đến 2035.

- Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, văn minh, nâng cao đời sống văn hóa của Nhân dân. Tăng cường các hoạt động ngoại giao văn hoá, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Nghiên cứu, sưu tầm, bảo tồn các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của các đồng bào dân tộc thiểu số, đặc biệt là di sản không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên. Quan tâm nguồn lực để đầu tư, hướng tới phát triển bền vững về kinh tế, văn hoá, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Phát huy tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa của từng vùng dân tộc thiểu số trong tổ chức thực hiện chính sách dân tộc, nhất là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2026 - 2030. Nghiên cứu, xây dựng chính sách đặc thù dành riêng cho đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Nâng cao sức khỏe, tầm vóc cho người dân, phát triển thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao và chuyên nghiệp. Tăng cường đầu tư hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở. Ưu tiên bố trí quỹ đất và thu hút các nguồn lực xã hội hóa xây dựng, nâng cấp mở rộng một số công trình văn hóa và thể thao. Quan tâm kêu gọi đầu tư, phát triển khu liên hợp thể thao vùng.

- Triển khai thực hiện hiệu quả Đề án Công viên địa chất hướng đến Công viên địa chất toàn cầu UNESCO; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo hoàn thành quy hoạch, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử.

7. Đối với nhiệm vụ trọng tâm số (7): Tiếp tục tập trung củng cố, xây dựng, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng “thế trận lòng dân” gắn với thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại với đảm bảo quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức theo hướng chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, thực hiện tốt nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu cao. Tăng cường công tác an ninh mạng và an toàn thông tin trên không gian mạng; chủ động phát hiện, phòng chống tội phạm mới, kiên quyết đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong, ngoài nước, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống

- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, Chiến lược Quốc phòng, Chiến lược Quân sự Việt Nam, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự đến năm 2030 và những năm tiếp theo, Chiến lược bảo vệ Biên giới quốc gia và các nghị quyết, đề án, luật về quốc phòng, quân sự địa phương và công tác biên phòng, kiên

quyết đấu tranh ngăn chặn, xử lý hiệu quả tàu thuyền nước ngoài vi phạm chủ quyền vùng biển.

- Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ gắn với diễn tập phòng thủ dân sự cấp tỉnh (năm 2026) và chỉ đạo diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ (năm 2026: 30%; năm 2027: 35%; năm 2028: 35%) đúng quy định.

- Nghiên cứu hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ các cấp theo phân cấp; các tuyến đường phục vụ bảo vệ biên giới; hỗ trợ khắc phục quả bom mìn, vật nổ sau chiến tranh; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu các doanh trại, công trình chiến đấu...

- Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên theo đúng Luật Dân quân tự vệ và Luật Lực lượng dự bị động viên. Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nghĩa vụ quân sự các cấp, tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ hằng năm đạt 100% chỉ tiêu. Đổi mới công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng.

- Thẩm định về quốc phòng, an ninh đối với các dự án kinh tế - xã hội chặt chẽ; giải quyết dứt điểm các điểm đất quốc phòng, an ninh bị chồng lấn; hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 100% các điểm đất quốc phòng, an ninh có đủ điều kiện. Triển khai thực hiện quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, an ninh, hệ thống các công trình quốc phòng, an ninh, khu quân sự, kho đạn dược, công nghiệp quốc phòng, an ninh hệ thống công trình phòng thủ trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện tốt công tác đối ngoại biên phòng và hợp tác trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đầu tư kinh phí xây dựng và khai thông cặp Cửa khẩu Đắc Ruê - Chi Miết, chủ động đàm phán giải quyết công tác phân giới và cắm các mốc phụ trên đoạn biên giới còn lại của tỉnh. Triển khai quyết liệt các biện pháp ngăn chặn tàu cá Việt Nam khai thác hải sản bất hợp pháp, không khai báo và không theo quy định (IUU) trên khu vực biên giới biển, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ, tài nguyên, môi trường, lợi ích quốc gia trong mọi tình huống. Tổ chức có hiệu quả các hoạt động ngoại giao văn hóa, ngoại giao kinh tế và đối ngoại nhân dân. Thực hiện tốt chủ trương xây dựng các trường học cho các xã biên giới đất liền.

- Tăng cường đầu tư, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về biển, đảo Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh, qua đó làm cơ sở để triển khai tổ chức Triển lãm lưu động “Hoàng Sa, Trường Sa của Việt Nam - Những bằng chứng lịch sử và pháp lý” tại các địa phương trong tỉnh.

- Thường xuyên nắm chắc tình hình địa bàn, đối tượng; tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án số 53 ngày 25/5/2024 của Chính phủ về phòng, chống phục

hội FULRO, “Tin lành Êđêga” trên địa bàn tỉnh gắn với thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác quản lý, giáo dục, cảm hóa đối tượng FULRO đã bị xử lý trên địa bàn tỉnh và Đề án số 11 ngày 10/01/2025 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 19; chủ động triển khai có hiệu quả các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động; phát hiện, chủ động xử lý các loại tội phạm mới; chủ động phối hợp triển khai các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn âm mưu hoạt động của các tổ chức phản động, FULRO lưu vong sử dụng mạng internet để tập huấn, móc nối, phát triển lực lượng, trao đổi thông tin tuyên truyền, chống phá Đảng, Nhà nước; giải quyết kịp thời các phát sinh phức tạp trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số, tín ngưỡng, tôn giáo, nông thôn, đô thị theo phương châm “04 tại chỗ”, kiên quyết không để xảy ra khủng bố, biểu tình, bạo loạn, hình thành “điểm nóng” về an ninh, trật tự.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với công tác tôn giáo theo đúng quy định của pháp luật. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động chức sắc, tín đồ các tôn giáo thực hiện tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đấu tranh có hiệu quả hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, kiên quyết đấu tranh xóa bỏ đối với tà đạo, đạo lạ, hiện tượng tôn giáo mới, hoạt động “núp bóng” tôn giáo xâm phạm an ninh quốc gia; nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự; tập trung triển khai quyết liệt, hiệu quả các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông, an toàn phòng cháy, chữa cháy.

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy về chính trị tư tưởng, bảo vệ nội bộ, bảo vệ bí mật Nhà nước, nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

- Quan tâm, củng cố, kiện toàn và xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh trật tự ở cơ sở vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác góp phần bảo đảm an ninh trật tự trong tình hình mới.

8. Đối với nhiệm vụ trọng tâm số (8): Tiếp tục phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong việc chăm lo, bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của Nhân dân; thực hiện giám sát, phản biện xã hội; tham gia góp ý xây dựng Đảng, Nhà nước; là cầu nối giữa Nhân dân với cấp ủy, chính quyền, làm nòng cốt tập hợp, đoàn kết mọi người Việt Nam yêu nước, tạo sự đồng thuận và lòng tin trong Nhân dân

- Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp theo hướng bám sát địa bàn, hướng về cơ sở, thực hiện “gần dân, sát dân”, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và Nhân dân.

- Thực hiện tốt công tác giám sát, phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

các cấp với Nhân dân; phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của Nhân dân; tạo điều kiện để các hội quần chúng hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động của hội gắn với vai trò đại diện cho quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của hội viên, phát triển tổ chức, làm cầu nối giữa Đảng, Nhà nước với Nhân dân, tích cực xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc vững mạnh.

- Xây dựng lực lượng nòng cốt ở các lĩnh vực, địa bàn trọng yếu; nâng cao cảnh giác, chủ động đấu tranh với âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân.

III- CÁC KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Tập trung phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững. Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ; trong đó, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp thực sự tiêu biểu, nhất là người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, tư duy mới, uy tín ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng được yêu cầu trong kỷ nguyên phát triển mới. Tập trung hoàn thiện thể chế, cơ chế vận hành trong bộ máy chính quyền đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả.

2. Thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trở thành động lực phát triển chính của tỉnh; tập trung triển khai quyết liệt chuyển đổi số trên cả ba trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số và xã hội số. Đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

3. Huy động tối đa mọi nguồn lực để đầu tư xây dựng, hoàn thiện kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng giao thông (đặc biệt là các tuyến cao tốc và các tuyến kết nối vào cao tốc), hạ tầng đô thị, hạ tầng các khu, cụm công nghiệp và hạ tầng công nghệ phục vụ cho quá trình quản lý, quản trị phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phân kỳ thời gian thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 như sau:

1.1. Quý IV/2025 và quý I/2026

- Tập trung tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I trong toàn Đảng bộ tỉnh.

- Xây dựng, ban hành Quy chế làm việc và Chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại

biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

1.2. Giai đoạn 2026-2028

1.2.1. Quý I/2026

- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành của tỉnh căn cứ tình hình địa phương, đơn vị và Chương trình của Tỉnh ủy để xây dựng chương trình hành động, kế hoạch cụ thể, phân kỳ thực hiện với nội dung, nhiệm vụ và giải pháp thiết thực để tổ chức triển khai thực hiện hàng năm và đến năm 2030; phân công trách nhiệm cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện.

- Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì, tham mưu nghị quyết, đề án, chương trình của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chủ động xây dựng đề cương, dự thảo văn bản gửi xin ý kiến các cấp, các ngành liên quan trước khi hoàn chỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

1.2.2. Quý II/2026-2028: Quán triệt, triển khai thực hiện các chương trình hành động, kế hoạch, nghị quyết, đề án triển khai thực hiện Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh.

1.3. Giai đoạn 2028 - 2030

- Đánh giá kết quả nửa nhiệm kỳ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I; bổ sung, điều chỉnh các chỉ tiêu, giải pháp để phấn đấu hoàn thành vượt các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong cả nhiệm kỳ.

- Tổng kết, sơ kết các nghị quyết, chương trình, kế hoạch chuyên đề về thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá theo Nghị quyết Đại hội đề ra.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh cụ thể hóa nội dung Chương trình hành động này thông qua việc quyết định bố trí nguồn lực, bổ sung xây dựng cơ chế, chính sách theo thẩm quyền để tổ chức thực hiện Chương trình; chỉ đạo tăng cường giám sát những lĩnh vực trọng tâm đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh xây dựng kế hoạch và xác định nguồn lực, cơ chế, chính sách đột phá để cụ thể hóa việc triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Chương trình này nhằm nâng cao nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

5. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Tỉnh ủy theo dõi, đôn đốc, kiểm tra

thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động này; tham mưu định kỳ sơ kết, đánh giá để lãnh đạo, chỉ đạo góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I.

6. Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy: Tổ chức nghiên cứu, quán triệt sâu rộng nội dung Chương trình, gắn việc thực hiện Chương trình với thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các cấp và nhiệm vụ chính trị trọng tâm của từng cấp, từng ngành trong từng năm, từng thời gian cụ thể; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể hàng năm và chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện ở địa phương, đơn vị mình.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (*để b/c*),
- Các ban đảng Trung ương (*để b/c*),
- Các CQCT tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các sở, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ**



Lương Nguyễn Minh Triết

**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI
GIAI ĐOẠN 2025 - 2030**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030			Cấp ủy, cơ quan chủ trì
			Đến năm 2030	Tổng 5 năm	BQ 5 năm	
I	VỀ KINH TẾ					
1	Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP giá so sánh)	%			≥ 10,50	Đảng ủy UBND tỉnh
-	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%			5,34	Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Công nghiệp - xây dựng	%			16,11	
+	Công nghiệp	%			14,63	Sở Công Thương
+	Xây dựng	%			18,52	Sở Xây dựng
-	Dịch vụ	%			11,28	Các Sở: Công Thương, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Khoa học và Công nghệ, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước - Khu vực 11,...
-	Thuế SP trừ trợ cấp SP	%			5,41	Thuế tỉnh
2	GRDP bình quân đầu người	Triệu đồng	≥ 153			Thống kê tỉnh
3	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Tỷ đồng		> 620.000		Sở Tài chính, Thống kê tỉnh
4	Tổng giá trị xuất khẩu	Triệu USD		> 13.000	Tăng 5-6%	Sở Công Thương
5	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	Tỷ đồng		1.240.000	Tăng 10%	
6	Tổng khách du lịch đến tỉnh	Triệu lượt khách		43	Tăng 10,97%	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
	Tổng doanh thu du lịch	Tỷ đồng		97.150	Tăng 14,5%	
7	Thu NSNN trên địa bàn (không kể thu tiền sử dụng đất)	%			≥ 11	Sở Tài chính, Thuế tỉnh, Hải quan khu vực
8	Tỷ lệ đảm bảo tưới cho cây trồng dùng nước	%	> 86,00			Sở Nông nghiệp và Môi trường
9	Số doanh nghiệp thành lập mới	DN		15.500	Tăng 13%	Sở Tài chính
10	Quy mô kinh tế số trong GRDP	%	≥ 30			Sở Tài chính, Sở Khoa học và Công nghệ, Thống kê tỉnh

II	VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI					
11	Giảm nghèo					Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo (bình quân/năm)	%			2,00	
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số	%			3,00	
12	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	≥ 70			Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Lao động, việc làm					
-	Giảm tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị	%	2,00			Sở Nội vụ
-	Số lao động được tạo việc làm	Nghìn người	> 56,0	280.00	56	
	Trong đó xuất khẩu lao động	Nghìn người	2-2,5		2-2,5	
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	> 75,00			
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có cấp bằng cấp, chứng chỉ	%	30,00			Sở Giáo dục và Đào tạo
14	Y tế					
-	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (cân nặng theo độ tuổi)	%	12,15			Sở Y tế
-	Số giường bệnh trên một vạn dân (không tính giường của trạm y tế xã)	Giường	33,00			
-	Số bác sỹ trên một vạn dân	Bác sỹ	10,2			
-	Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế	%	96,50			
						Bảo hiểm xã hội tỉnh
15	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	68/88			Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	16/88			
-	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới hiện đại	xã	08/88			
III	VỀ MÔI TRƯỜNG					
16	Tỷ lệ che phủ rừng	%	≥ 42,00			Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Tỷ lệ dân số thành thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	98			Sở Xây dựng
	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	98,7			Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Tỷ lệ cụm công nghiệp đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100			Sở Công Thương
	Tỷ lệ thu gom chất thải rắn ở đô thị được thu gom, xử lý theo quy định	%	98			Sở Nông nghiệp và Môi trường

Phụ lục 2
DANH MỤC NHIỆM VỤ, ĐỀ ÁN THỰC HIỆN NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM
VÀ CÁC KHẨU ĐỘT PHÁ GIAI ĐOẠN 2025 - 2030

(Kèm theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030)

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian Thực hiện
I	ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SỐ (1)				
1	Ban hành kế hoạch tổ chức học tập, quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I	Kế hoạch	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành liên quan	Tháng 10/2025
2	Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm rõ vấn đề mới phát sinh, nhất là trong bối cảnh giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp		Trường Chính trị tỉnh	Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành, địa phương liên quan	Quý IV/2025
3	Đổi mới nội dung, phương pháp, chất lượng và hiệu quả công tác tư tưởng, giáo dục lý luận chính trị của Đảng theo hướng tăng tính thực tiễn, ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số và truyền thông đa phương tiện	Các chương trình, kế hoạch thực hiện hàng năm	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành liên quan	Thực hiện thường xuyên
4	Ban hành Quy chế phối hợp giữa Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Xây dựng Đảng cấp xã với cơ quan nhà nước cùng cấp trong việc thực thi pháp luật, triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết các vấn đề nổi cộm, Nhân dân quan tâm	Quy chế	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành liên quan	Quý I/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian Thực hiện
5	Ban hành Quy chế cung cấp và sử dụng thông tin dư luận xã hội phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị đảm bảo phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 2 cấp.	Quy chế	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành liên quan	Quý I/2026
6	Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng báo chí, xuất bản, truyền thông về xây dựng Đảng, tăng cường kiểm soát thông tin trên không gian mạng cho các cơ quan báo chí trên địa bàn, đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.	Kế hoạch	Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy	Các ban, sở, ngành liên quan	Quý I/2026
7	Xây dựng và hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, tổ chức làm cơ sở để xác định, giao và quản lý biên chế của hệ thống chính trị tỉnh trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương.	Đề án, quyết định...	Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Nội vụ	Các ban, sở, ngành liên quan	Ngay khi có hướng dẫn của Trung ương
8	Xây dựng và thực hiện các quy định về kiểm tra, đánh giá năng lực của cấp ủy các cấp	Quy định, kế hoạch	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Các ban, sở, ngành liên quan	Quý I/2026
9	Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng cho cán bộ chủ chốt ở cấp tỉnh và cấp xã trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương.	Kế hoạch	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Đảng ủy các xã, phường	Khi có hướng dẫn của Trung ương
10	Xây dựng kế hoạch nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch cán bộ, gắn đào tạo với bố trí, sử dụng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm	Kế hoạch	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các sở, ngành, địa phương có liên quan	Quý II/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời gian Thực hiện
11	Xây dựng Đề án thu hút và trọng dụng nhân tài, nhất là các ngành, lĩnh vực mũi nhọn phục vụ cho phát triển nhanh, bền vững	Kế hoạch	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các sở, ngành, địa phương có liên quan	Quý II/2026
12	Xây dựng Quy định và bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị tỉnh theo Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị và Kết luận số 198-KL/TW, ngày 08/10/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đánh giá đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị	Kế hoạch, Quy định...	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Sở Nội vụ; các sở, ngành, địa phương có liên quan	Quý IV/2025
14	Nâng cao chất lượng công tác phát triển đảng viên	Chương trình, kế hoạch	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các ban, sở, ngành liên quan	Quý II/2026
15	Đổi mới phương thức hoạt động của ngành Kiểm tra gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số	Chương trình, kế hoạch	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I/2026
16	Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát hằng năm	Kế hoạch	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Cấp ủy, ủy ban kiểm tra cấp ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm
17	Ban hành Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa 2025-2030	Chương trình	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý IV/2025
18	Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về “Đổi mới	Kế hoạch, chương trình, văn bản chỉ đạo...	Ban Nội chính Tỉnh ủy, Sở Tư pháp	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Thường xuyên

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời gian Thực hiện
	<i>công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới</i>"; Kế hoạch số 04-KH/TU ngày 24/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW của Bộ Chính trị. Trọng tâm là: - Đổi mới công tác xây dựng pháp luật phát huy tính đảng trong xây dựng và thi hành pháp luật; đổi mới tư duy, định hướng xây dựng pháp luật; tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật; tăng cường chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn trong xây dựng, thi hành pháp luật. - Đầu tư xây dựng giải pháp đột phá nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; thực hiện cơ chế tài chính đặc biệt cho công tác xây dựng, thi hành pháp luật.				
19	Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cấp ủy các cấp theo hướng phân cấp, phân quyền rõ ràng	Quy chế	Văn phòng cấp ủy	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý IV/2025 và thường xuyên rà soát
20	Ban hành Chương trình công tác toàn khóa của cấp ủy	Chương trình	Văn phòng cấp ủy	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý IV/2025
21	Ban hành Chương trình công tác hằng năm của cấp ủy	Chương trình	Văn phòng cấp ủy	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Hằng năm

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời gian Thực hiện
II	ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SỐ (2)				
22	Hoàn thành điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Quy hoạch tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV/2025
23	Triển khai Đề án xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính.	Đề án	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
24	Xây dựng Chương trình về cơ cấu lại các ngành sản xuất nông nghiệp theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao.	Chương trình	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
25	Triển khai Đề án phát triển nông nghiệp bền vững gắn với kinh tế nông nghiệp xanh, nông nghiệp số và xây dựng nông thôn, nông dân giàu có.	Đề án	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý II/2026
26	Phát triển mới, nhân rộng một số mô hình kinh tế nông - lâm kết hợp, vừa đáp ứng yêu cầu bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, vừa phát huy tiềm năng, giá trị tài nguyên của rừng đặc dụng	Kế hoạch của UBND tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
27	Xây dựng Nghị quyết hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý II/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời gian Thực hiện
28	Nghiên cứu, xây dựng chính sách khuyến công trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Công Thương	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV/2026
29	Xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch tỉnh Đắk Lắk	Đề án, kế hoạch, quyết định... của UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý II/2026
30	Xây dựng Chương trình tiếp tục thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TW về phát triển du lịch thành ngành kinh tế mũi nhọn.	Chương trình của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
31	Xây dựng Đề án phát triển du lịch giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; xác định rõ sản phẩm đặc trưng, không gian, thị trường và các chỉ tiêu phát triển.	Đề án của UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
32	Lập bản đồ số hoá các khu vực khoanh vùng bảo vệ di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh phục vụ công tác quản lý, bảo tồn, khai thác bền vững.	Quyết định, Đề án... của UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý III/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời gian Thực hiện
33	Các cơ chế chính sách thu hút đầu tư ở lĩnh vực công nghệ; khuyến khích chuyển đổi, thay thế thiết bị lạc hậu bằng công nghệ tiên tiến trong hoạt động sản xuất, lưu thông và phân phối hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn tỉnh	Nghị quyết của HĐND tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý II/2026
III	ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SỐ (3)				
34	Thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 10-KH/TU, ngày 12/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh	Kế hoạch, chương trình	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Thường xuyên
35	Xây dựng hệ thống chỉ tiêu cụ thể về thực hiện cải cách hành chính, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, thu hút đầu tư giai đoạn 2026 - 2030. Xây dựng nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh giai đoạn 2026 - 2030.	Chương trình, kế hoạch, đề án...	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý II/2026
IV	ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SỐ (4): Cụ thể tại một số công trình, dự án quan trọng, ưu tiên đầu tư giai đoạn 2025 - 2030 tại Phụ lục 3 kèm theo Chương trình hành động này.				

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời gian Thực hiện
V	ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SỐ (5)				
36	Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW, ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo	Kế hoạch, chương trình	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV/2025
37	Xây dựng Chương trình về đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với định hướng phát triển các ngành mũi nhọn của tỉnh như nông nghiệp công nghệ cao, dịch vụ, du lịch, công nghiệp chế tạo, chế biến, năng lượng tái tạo... giai đoạn 2026 - 2030.	Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Sở Nội vụ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
38	Xây dựng và vận hành Trung tâm dữ liệu tỉnh, nền tảng số dùng chung và trung tâm điều hành thông minh (IOC). Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tích hợp, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia.	Quy định, quy chế	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý II/2026
39	Phát triển nền tảng học tập số, khám chữa bệnh từ xa, dịch vụ công an sinh trực tuyến.	Số lượng người dân sử dụng các nền tảng	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
40	Xây dựng các chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo; hình thành trung tâm đổi mới sáng tạo tỉnh.	Nghị quyết, quyết định...	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
41	Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.	Kế hoạch, chương trình	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý IV/2025

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, tổ chức đăng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đăng phối hợp	Thời gian Thực hiện
VI	ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SỐ (6)				
42	Xây dựng Chương trình về xây dựng con người Đắk Lắk phát triển toàn diện gắn với xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc giai đoạn 2026 - 2030.	Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Các ban, sở, ngành có liên quan	Quý I/2026
43	Xây dựng Chương trình về bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến 2035.	Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các ban, sở, ngành có liên quan	Quý I/2026
44	Xây dựng đề án bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá phi vật thể được UNESCO ghi danh vào danh mục di sản văn hoá phi vật thể đại diện nhân loại và các di sản văn hoá phi vật thể trong danh mục quốc gia	Đề án của UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý II/2026
45	Triển khai thực hiện Bộ quy tắc ứng xử người Đắk Lắk Văn minh - Thân thiện - Mến khách.	Kế hoạch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Tổ chức CT-XH, UBND các xã, phường	Quý II/2026
46	Ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị Di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Quy chế của UBND tỉnh	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường	Quý I/2026
VII	ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SỐ (7)				
47	Đổi mới công tác giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng.	Kế hoạch, chương trình	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh	Các ban, sở, ngành có liên quan	Quý I/2026

TT	Nhiệm vụ cụ thể	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan, tổ chức đảng chủ trì	Cơ quan, tổ chức đảng phối hợp	Thời gian Thực hiện
48	Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ gắn với diễn tập phòng thủ dân sự cấp tỉnh (năm 2026) và chỉ đạo diễn tập chiến đấu cấp xã trong khu vực phòng thủ (năm 2026: 30%; năm 2027: 35%; năm 2028: 35%)	Kế hoạch	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan	Quý IV/2025
VIII	ĐỐI VỚI NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM SỐ (8)				
49	Đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp theo hướng bám sát địa bàn, hướng về cơ sở, thực hiện “gần dân, sát dân” ,	Chương trình, kế hoạch	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quý I/2026
50	Ban hành quy chế phối hợp liên thông giữa các cơ quan Đảng - Nhà nước - Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội theo quy định của Trung ương	Quy chế	Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Theo quy định của Trung ương
51	Tổ chức thành công đại hội nhiệm kỳ của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh		Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Tháng 12/2025



Phụ lục 3

**DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN QUAN TRỌNG, ƯU TIÊN ĐẦU TƯ
GIAI ĐOẠN 2025-2030**

(Kèm theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh
lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030)

STT	Dự án, công trình	Cơ quan chủ trì tham mưu	Nguồn lực	Tiến độ thực hiện
I	Lĩnh vực Hạ tầng giao thông			
1	Hoàn thành DATP3 - Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột giai đoạn 1, đưa vào khai thác đồng bộ toàn tuyến theo tiến độ.	Sở Xây dựng	NSTW	2025 - 2030
2	Tuyến đường bộ cao tốc Đông - Tây tỉnh Đắk Lắk.	Sở Xây dựng	NSTW, PPP, NSDP	2025 - 2030
3	Đường kết nối cao tốc Khánh Hòa - Buôn Ma Thuột với đường Võ Nguyên Giáp.	Sở Xây dựng	NSTW, NSDP	2025 - 2030
4	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 29, 19C và một số tuyến Quốc lộ khác theo nhu cầu.	Sở Xây dựng	NSTW	2025 - 2030
5	Các tuyến giao thông kết nối với cao tốc, quốc lộ trên địa bàn tỉnh.	Sở Xây dựng	NSTW, NSDP	2025 - 2030
6	Các tuyến đường bộ ven biển; các tuyến kết nối các khu vực ven biển; các tuyến kết nối khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu đô thị, thương mại, dịch vụ, du lịch.	Sở Xây dựng	NSTW, NSDP	2025 - 2030
7	Nâng cấp, hoàn thiện hệ thống tình lộ, các tuyến giao thông liên xã; các tuyến đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn.	Sở Xây dựng	NSTW, NSDP	2025 - 2030
II	Lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo			
1	Đầu tư phát triển lĩnh vực khoa học, công nghệ (Theo Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia xác định tầm nhìn đến năm 2045).	Sở Khoa học Công nghệ	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
2	Hình thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh; Trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) gắn với các khu công nghiệp, các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Sở Khoa học Công nghệ	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
III	Lĩnh vực công nghiệp, cảng biển, năng lượng			
1	Cảng Bãi Gốc và các hạ tầng phụ trợ.	Sở Công Thương	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030

STT	Dự án, công trình	Cơ quan chủ trì tham mưu	Nguồn lực	Tiến độ thực hiện
2	Hạ tầng các Khu công nghiệp, khu công nghiệp - đô thị dịch vụ; Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.	Sở Công Thương	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
3	Dự án luyện kim; công nghiệp lọc hoá dầu; các dự án sản xuất, truyền tải và phân phối điện; các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; công nghiệp chế biến, chế tạo (trong đó có cơ khí chế biến, chế tạo gắn với luyện kim); công nghiệp công nghệ cao	Sở Công Thương	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2026 - 2030
IV	Lĩnh vực nông nghiệp			
1	Các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	NSTW, NSDP, ODA, ngoài ngân sách và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
2	Các vùng nguyên liệu, sản xuất và chế biến nông, lâm, thủy sản tập trung, có giá trị gia tăng cao	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ngoài ngân sách	2025 - 2030
V	Lĩnh vực văn hoá - xã hội			
1	Xây dựng Trung tâm Văn hóa - Nghệ thuật tỉnh Đắk Lắk	Sở VH TTDL, Sở Xây dựng	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
2	Xây dựng khu liên hợp thể thao tỉnh Đắk Lắk (khu liên hợp trung tâm Vùng Tây Nguyên trước đây).	Sở VH TTDL	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
3	Bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích cấp quốc gia đặc biệt, di tích cấp quốc gia cấp tỉnh, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh của tỉnh	Sở VH TTDL	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
4	Nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin tỉnh Đắk Lắk (hệ thống đài truyền thanh thông minh các xã, phường)	Sở VH TTDL	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
5	Đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa các thiết chế văn hóa, thể thao của tỉnh và các địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk	Sở VH TTDL	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
6	Nâng cấp, cải tạo các cơ sở y tế; đầu tư Bệnh viện đa khoa chất lượng cao (mở rộng Bệnh viện đa khoa Phú Yên; thu hút đầu tư các bệnh viện chuyên khoa chất lượng cao).	Sở Y tế	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030

STT	Dự án, công trình	Cơ quan chủ trì tham mưu	Nguồn lực	Tiến độ thực hiện
7	Bổ trí nguồn vốn ủy thác sang NHCSXH để thực hiện đầu tư tín dụng đối với hộ nghèo và đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài chính	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
VI	Quốc phòng an ninh			
1	Đầu tư theo yêu cầu Quyết định số 104/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành “Đề án phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng địa bàn Tây Nguyên”	Công an tỉnh	NSTW, NSDP	2025 - 2030
2	Hỗ trợ khắc phục quả bom mìn, vật nổ sau chiến tranh; hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu các doanh trại, công trình chiến đấu...	Bộ CHQS tỉnh	NSTW, NSDP	2025 - 2030
3	Đầu tư xây dựng công trình phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ các cấp theo phân cấp; các tuyến đường phục vụ bảo vệ biên giới.	Bộ CHQS tỉnh	NSTW, NSDP	2025 - 2030
4	Đầu tư theo Nghị quyết và Đề án của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tỉnh Đắc Lắc thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.	Công an tỉnh	NSTW, NSDP	2025 - 2030
VII	Một số công trình hạ tầng, nhiệm vụ khác			
1	Các khu liên hợp xử lý chất thải rắn theo quy hoạch.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
2	Các công trình thủy lợi, kiên cố hoá kênh mương; hạ tầng phục vụ cấp nước sinh hoạt tập trung.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
3	Các hồ chứa lớn; các công trình Kè chống xói lở; hạ tầng cảng cá, khu neo đậu tránh, trú bão cho tàu thuyền.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
4	Cải tạo, nâng cấp trụ sở cấp xã; trụ sở một số cơ quan cấp tỉnh, đảm bảo điều kiện làm việc sau khi sắp xếp đơn vị hành chính.	Sở Xây dựng, UBND xã, phường	NSTW, NSDP và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
5	Cải tạo hạ tầng kỹ thuật hành lang suối Ea Nao - Ea Tam (ODA); Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án thành phần tỉnh Phú Yên	Sở Xây dựng, Ban QLDA ĐTXD Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	NSTW, NSDP, ODA và nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
6	Các dự án nhà ở, khu đô thị, khu dịch vụ, thương mại, du lịch, sân golf...	Sở Tài chính và các Sở ngành liên quan	Ngoài Ngân sách	2025 - 2030

STT	Dự án, công trình	Cơ quan chủ trì tham mưu	Nguồn lực	Tiến độ thực hiện
7	Xây dựng, tổ chức thực hiện dự án “Đầu tư bảo vệ và phát triển rừng ứng phó biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh tỉnh Đắk Lắk, giai đoạn 2026- 2030” nhằm thực hiện Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030 theo Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 07/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ	Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành, đơn vị liên quan	NSTW, NSDP, nguồn vốn hợp pháp khác	2025 - 2030
8	Các trung tâm logistics, cảng cạn	Sở Xây dựng, Sở Công Thương	Ngoài Ngân sách	2025 - 2030